

QUA LĂNG KÍNH ẤY

Nguyễn M., K25

Trước đây, Sài Gòn được ví như “hòn ngọc của Viễn Đông”, nhưng vào năm 1980 nó như một thành phố chết. Mọi sinh hoạt đều ngưng trệ, nhà nhà cửa đóng then gài. Từ một thủ đô với sinh hoạt tung bừng nhộn nhịp, đủ loại xe cộ chạy tấp nập; nay trên đường phố chỉ thấy toàn xe đạp và một ít xe gắn máy. Ban ngày hiếm thấy những cửa hàng, tiệm ăn, nhà sách, tiệm thuốc tây, tiệm may... mở cửa.

Đặc biệt trong một hai năm gần đây trên nhiều đường phố bỗng nổi lên như nấm những khu chợ trời. Người ta đem ra nơi đây bán đủ loại mặt hàng, từ vật dụng gia đình đến đồ điện máy. Vì cung nhiều hơn cầu nên giá bán rẻ mạt, đôi khi tưởng như là hàng đem cho. Nhiều gia đình quá túng thiếu, thấy trong nhà có gì có thể bán được là đem ra bán, để lo miếng ăn. Khi mà mọi sinh hoạt chỉ lo giải quyết cái bao tử thì mọi tiện nghi trở thành đồ xa xỉ.

Mặc dù ra khỏi trại tù “cải tạo” cũng gần cả năm nay, đã nhiều ngày tháng nó lê lét đó đây đi kiếm việc làm, nhưng chẳng có ai mướn, ai thuê. Cuộc sống đưa đẩy, nhờ người chị dẫn dắt buôn bán, nó có cái sạp nhỏ ở chợ trời trên đường Lê Công Kiều, Quận Nhất, được vài tháng qua. Nó thầm nghĩ mình có chỗ mua bán như vậy là may lắm rồi; trong khi bạn bè nó đa số không có công ăn việc làm, hoặc có người làm việc vất vả mà thu nhập chẳng là bao như đạp xích lô, bơm vá bánh xe ở lề đường...

Từ ngày ra buôn bán, nhờ có đồng ra đồng vô, sinh hoạt gia đình nó thoải mái hơn nhiều. Trước đây, mọi chi tiêu gia đình đều dựa vào đồng lương y tá ít ỏi của vợ nó, mỗi tháng khoảng

năm mươi lăm đồng nuôi ba miệng ăn: vợ chồng nó và đứa con chưa đầy một tuổi èo ọt vì thiếu dinh dưỡng.

Trưa nay chợ vắng người. Nó ngòì dựa lưng vào tường, định nhắm mắt nghỉ một chút, bất ngờ nghe có tiếng hỏi:

- Nị ơi, nị bán tranh bằng thảm, có mua thêm nữa để bán không?

Nó ngẩng đầu nhìn lên thấy một người phụ nữ tay dắt xe đạp đang đứng trước sạp của mình. Bà chỉ tay về phía tấm tranh treo trên bức vách sau lưng nó. Tấm tranh đó, mới mua mấy ngày trước, bằng thảm của..., thù hình hai con nai đứng bên bờ suối.

Nhìn y phục người phụ nữ và nghe giọng nói; nó đoán bà là người Hoa, ước chừng tuổi ngoài năm mươi. Nó nhanh nhẩu trả lời:

- Dạ mua chứ! Tranh đâu? Ché có mang theo không?

- Không, theo tôi về nhà bán cho.

- Nhà ché ở đường nào?

- Gần đây thôi, nị đi theo tôi.

Vừa dứt lời, bà leo lên xe đạp chậm rãi đi trước. Nó nhờ người bạn ở sạp kế bên trông chừng sạp mình rồi vội vàng lấy xe đạp chạy theo.

Giờ này đã quá trưa, trời oi bức nên đường phố vắng người; đó đây chỉ thấy toàn xe đạp, thỉnh thoảng mới có vài xe gắn máy. Thời buổi này ít người sử dụng xe gắn máy bởi vì xăng rất khan hiếm. Mỗi xe gắn máy một tháng chỉ được mua 4 lít xăng theo phiếu tiêu chuẩn, còn mua xăng chợ đen khó kiếm và giá mắc hơn nhiều.

Người phụ nữ chạy xe đến đường Cổng Quỳnh, qua khỏi nhà thương Từ Dũ rồi quẹo phải đến đường Hồng Thập Tự. Chạy thêm chừng hơn trăm mét nữa bà băng qua đường và dừng xe trước một nhà có cổng sắt quá cao khép kín, với bờ

tường dài, bên trên có đóng cọc sắt nhọn. Đứng bên ngoài, nó chỉ nhìn thấy mái ngói đỏ của căn nhà đồ sộ, ẩn hiện sau lùm lá của hàng bông giấy trên cao. Nó nghĩ, “Nhà này thuộc loại kín cổng cao tường; chủ nhân phải là người giàu có, sống khép kín, không muốn giao du nhiều người.”

Khi đứng gần người phụ nữ, nó thấy bà có vẻ người khác khổ, không chắc là chủ nhân căn nhà to lớn này. Nó gợi chuyện để tìm hiểu:

- Nhà của a ché to quá!

Người phụ nữ vừa thò tay vào bên trong cánh cửa sắt để mở cổng, vừa trả lời:

- Không phải, ngộ chỉ là người làm.

Rồi bà nói tiếp:

- Sáng nay, bà chủ biểu ngộ ra chợ trời kiểm xem có ai mua bán tranh giống như tranh ở nhà thì kêu về nhà để bán hai tấm.

Sau khi cẩn thận đóng lại hai cánh cửa sắt, bà dẫn nó đi vào bên trong. Căn nhà ngói đỏ nằm bên phải lối đi vào. Qua hết đường bên hông nhà là một sân rộng. Phần phía sau là một dãy nhà ngang cũng lợp ngói đỏ.

Bất ngờ có một bày chó berger khoảng năm sáu con cột ở trước hiên dãy nhà sau thấy có người lạ chồm lên sủa inh ỏi. Nó nghĩ, “Ồ thời buổi khó khăn gạo châu gạo quế, nhà nhà đều ăn cơm độn, Vậy mà nhà này lại có người giúp việc và nuôi cả đàn chó kia. Chắc chủ nhà phải là người giàu có lắm.”

Người phụ nữ bảo nó đứng đợi ở bậc thềm nhà trên để vào báo với bà chủ. Một lát sau, nó được mời vào phòng khách. Một người đàn bà tuổi ước chừng ngoài sáu mươi, bận bộ đồ lụa trắng ngồi trên chiếc ghế dài của bộ trường kỷ, vừa thấy nó bà hỏi ngay:

- Cậu muốn mua tranh bằng nhưng phải không? Đó, tôi có hai bức tranh treo trên tường đó, cậu lại xem kỹ đi, nhắm mua được không?

Nói xong, bà cúi xuống vuốt ve con mèo đang ôm, như không cần nghe nó trả lời; cử chỉ và lời nói có vẻ kiêu kỳ của người có địa vị bề thế.

Nghe giọng nói, nó đoán bà là người Việt chứ không phải người Hoa như mới đầu nó tưởng. Nó đi lại xem hai tấm tranh treo trên hai vách tường đối diện nhau. Một tấm thêu hình bốn con cọp nằm dưới gốc cây; tấm kia thêu hình voi mẹ và voi con đứng bên dòng suối. Cả hai tấm tranh đều được lồng kính có khung gỗ.

Từng bán qua loại tranh thảm này, nên nó biết giá cả có thể mua là bao nhiêu. Nó chưa trả lời vội mà tiếp tục quan sát đồ đạc bày biện trong phòng. Vốn có kinh nghiệm đi mua hàng, trước tiên nó tỏ ra không thiết tha lắm với món hàng chủ nhà muốn bán; kế đến xem trong nhà còn có những món gì khác có thể dò hỏi mua được, vì biết đâu không mua được món đồ này lại mua được món đồ khác. Đồ đạc trong phòng chẳng bày biện gì nhiều. Gần cửa ra vào là bộ trường kỷ xưa – nơi bà chủ ngồi. Sát vách tường có một tủ kính bằng gỗ quý, bên trong chung toàn đồ cổ bằng sành sứ. Góc cuối phòng đặt cây đàn piano. Vách tường đối diện có hai cánh cửa to khép kín. Hai cánh cửa này thông qua phòng bên được chạm trổ những hoa văn rất đẹp. Quay lại chủ nhà, nó hỏi:

- Thưa... mỗi bức tranh bà muốn bán giá bao nhiêu?

- Thì cậu mua được bao nhiêu cứ nói đi!

Đã từng đi mua hàng, kinh nghiệm dạy nó không bao giờ nói giá mua trước; chờ người bán ra giá trước, tuy tình hình mà ứng phó. Nếu người bán nói giá hời cũng đừng biểu lộ vui mừng, mà phải kỳ kèo trả giá, tránh cho họ biết bán hổ sẽ đổi... Nếu người bán nói giá quá cao, phải kiên nhẫn giải thích, làm giảm giá trị món hàng mới có thể mua được. Nó tiếp tục đợi chủ nhà nói giá trước:

- Tranh của bà, bà muốn bán bao nhiêu cứ nói giá cho tôi biết.

- Thì cậu cũng thật tình nói hết giá mua đi, nghe được tôi bán cho.

Xem chừng chủ nhà cũng sắc sảo không vừa. Sau bao lần lời qua đáp lại không xuôi, thấy không thể cù cưa mãi, nó bèn đưa ra giá để thăm dò:

- Bà đã nói vậy, còn tôi thật tình muốn mua. Xin trả mua hết giá mỗi bức tranh tám chục đồng (thật ra nó có thể mua tới đa một trăm hai chục đồng).



Tòa Đô Chính Saigon, trước 1975

Vừa nghe tới đây, bất ngờ bà chủ đứng dậy, ném con mèo qua một bên, nhìn sòng sọc vào mặt nó, nói liền một hơi dài:

- Cậu nói gì? Cậu có biết giá trị loại tranh này không? Cậu trả tám chục đồng hả? Cậu thử trả một ngàn đồng, liệu tôi có bán không?

Bà còn nói nhiều nữa, nào là hỏi đó mua mỗi bức tranh hơn một cây vàng. Đó là loại tranh của nước nào, quý hiếm ra sao, v.v...

Nó cố ngồi yên lặng như lắng nghe bà nói. Trong thâm tâm nó cũng thông cảm phần nào nỗi niềm người bán. Ngày trước tám tranh đó giá trị cả cây vàng, nhưng ngày nay nó trở thành

xa xỉ. Khi mà cần có miếng cơm cho no lòng, thực tế và cần thiết hơn bao giờ hết.

Nó chợt nhớ đến một bà đem lò nướng bánh sandwich ra chợ trời bán. Bà đòi tới giá một chỉ vàng!

Trời ơi, thời buổi này ai mua lò nướng đó để làm gì trong khi toàn ăn độn bo bo với khoai sắn? Bà đi tới hết gian hàng này đến gian hàng khác chẳng có ai mua. Có một người muốn chọc chơi, trả mua tới giá năm chục đồng, bà cũng không bán. Sáng hôm sau, bà đem cái lò đến bán cho người ấy thì người này nói không muốn mua nữa. Bà ta thui thủi mang lò nướng trở về. Trả mà không mua gọi là “trả bỏ”, tiếng hay dùng của người bán ngoài chợ trời.

Trước người đàn bà kiêu kỳ này nó cũng muốn “trả bỏ” cho bót tức; cứ trả đại vài trăm đồng rồi ra về và sẽ không trở lại nữa là êm chuyện. Nhưng nó nghĩ chẳng lẽ tới đây rồi lại về không, không mua được món này, cứ dạm hỏi thêm, biết đâu lại mua được món khác. Nó ôn tồn nói:

- Thưa bà, thành thật cháu xin lỗi. Cháu cũng không biết được bức tranh này quý như vậy. Chắc cháu không mua mỗi. Mong bà thông cảm.

Nghe nó nói, nét mặt của bà chủ nhà có vẻ dịu đi. Bà ngồi lại xuống ghế, hơi thở vẫn còn nặng nhọc. Chờ một lát cho bầu không khí bớt căng thẳng, nó mới lên tiếng:

- Thưa bà, trước khi ra về, xin hỏi bà có gì khác bán không, biết đâu bà không bán được cái này sẽ bán được cái khác?

- Cậu nói sao? Bộ cậu nghĩ tôi hết tiền nên cần bán đồ lắm hả? Cậu là ông nào mà phách lối dữ vậy?

Nó giật mình, mới thấy mình thật là ngu! Đáng lẽ, nó phải nói, “biết đâu tôi không mua được món này sẽ mua được món khác.” có phải hay hơn không, sẽ không chạm tự ái bà ta.

Lấy thêm hơi, bà chủ nhà nói to như hét vào tái nó:

- À... mà tôi muốn bán đó! Tôi là con dâu của Chú Hoả đây.

Tôi muốn bán toà dinh thự ở số 97 đường Phó Đức Chính, gần chợ trời cậu bán đó. Liệu cậu có đủ sức mua nổi không?

Bà không nhìn nó mà nhìn khoảng không phía trước, như đang hướng về cõi xa xăm, thở hồn hên tỏ vẻ tức giận.

Thì ra bà là con dâu của Chú Hoả- người nổi tiếng giàu nhất ở miền Nam từ thời Đệ Nhất Cộng Hoà. Trước đây nó nghe nói sau năm 1975, nhiều dinh thự, nhà cửa của Chú Hoả bị CS tịch thu. Và nó cũng được nghe nói con cháu của Chú Hoả có mấy dãy nhà sát nhau ở đường Hồng Thập Tự, quận Nhất. Hôm nay tình cờ nó mới biết là nơi này.

Trước cử chỉ nóng giận của bà, nó chẳng những không có chút nào khó chịu mà tự nhiên lòng dâng lên niềm xúc động khó tả. Ai có ngờ đâu từ một đại gia đình bệ thế, tiền rừng bạc biển, mà nay phải đi bán từng món đồ nhỏ để có tiền độ thân! Rồi chạnh nghĩ đến hoàn cảnh vô cùng bi đát của gia đình mình hiện giờ... Bất giác, nước mắt nó như muốn ứa ra. Sau một hồi lâu yên lặng, dần cơn xúc động, nó mới ôn tồn nói:

- Thưa, bà hiểu lầm cháu rồi... cháu muốn nói bà thấy có cái gì thừa thãi, không cần dùng đến, bà bán cho cháu. Coi như giúp cháu có miếng cơm vạy mà. Bà nghĩ cao quá, tội nghiệp cho cháu.

- Ủ, cậu nói như vậy tôi còn nghe được, chứ đừng có bày đặt... Hơn nữa, trông cậu có vẻ hiền lành, hơi sức đâu giận cậu.

Từ cử chỉ và lời nói tỏ ra nóng giận tột cùng, bỗng nhiên bà dịu dàng trở lại, như quả bóng quá căng bất ngờ bị xì xẹp lép. Có lẽ bà cũng biết ở thời buổi ăn toàn bo bo, khoai lang, củ mì; khi mà hầu hết mọi người lâm vào hoàn cảnh túng thiếu, dễ thường có mấy ai chịu bỏ hơn một cây vàng để mua loại hàng xa xỉ như một tấm tranh. Những người giàu có như bà khó thích nghi trước sự biến động đột ngột của xã hội. Chắc trong thời gian qua bà phải chịu nhiều ức chế nên tính khí dễ thất thường.

Tự nhiên nó cảm thấy chán nản, không còn thiết tha mua hàng nữa. Nó định chào bà chủ nhà ra về thì bất ngờ bà cầm chân nó lại:

- Nay, tôi có bộ lư đồng ở bên phòng thờ. Cậu có mua không, tôi bán cho?

Nghe tới đó, nó đứng khựng lại, liền nghĩ biết đâu lại là loại lư đồng xưa? Nếu gặp may mua được loại lư đồng cổ mà người bán không biết giá trị là coi như nó “trúng mảnh một vốn bốn lời”.

Bà chủ hướng dẫn nó:

- Cậu đi đến cuối phòng này, đẩy hai cánh cửa lớn ra, cậu sẽ thấy bộ lư đồng trên bàn thờ ở phòng bên đó.

Thấy chủ nhà vẫn ngồi yên, không đi cùng nên nó chần chừ. Như hiểu, bà đánh tan sự e ngại của nó:

- Không sao đâu, cậu cứ tự nhiên vào xem một mình đi, lát nữa ra nói chuyện mua bán cũng được.

Nó đi đến cuối phòng, nơi có hai cánh cửa cao và to thông qua phòng bên. Hai cánh cửa làm bằng gỗ quý, được chạm trổ rất đẹp. Khó khăn lắm nó mới đẩy được hai cánh cửa nặng hé mở vừa đủ một người lách qua. Vào bên trong phòng nó phải đứng yên một lát để quen ánh sáng, vì phòng tối mờ mờ nhờ một ít ánh sáng xuyên qua hàng song gỗ cửa trên cao. Phòng âm u lạnh lẽo, thoáng thoảng mùi ẩm mốc. Từ từ quen dần ánh sáng, nó nhìn thấy mọi vật rõ hơn. Màng nhện phủ giăng đầy đó đây. Đường như lâu lắm rồi chẳng có ai bén mảng vào đây.

Nó đảo mắt nhìn quanh. Ngoài cùng là một bàn gỗ màu đen dài khoảng ba mét, chắc dùng để chưng bày đồ cúng. Kế đến có một khoảng trống đường đi và ở trong cùng là bàn thờ. Bộ lư đồng đặt ngoài cùng trên bàn thờ, kế đến là những bài vị viết bằng chữ Hoa, và nhiều khung hình thờ người quá cố. Từ chỗ nó đứng tới bàn thờ cách khoảng bốn, năm mét mà sao thấy như sâu hun hút.

Nó lần mò đi vào trong, tới đứng gần bộ lư để quan sát cho rõ. Đó là bộ lư đồng loại số một, loại lư đồng to nhất. Đặc biệt cái lư được cẩn xà cừ rất đẹp. Đứng là bộ lư đồng loại đồ cổ.

Nó quơ tay phá màng nhện trên cây chân đèn, bất ngờ thấy trên đĩa chân đèn có một túi vải nhỏ đầu buộc túm lại. Nó cầm cái túi vải lên, sao thấy nặng quá! Nghi hoặc, nó liền tháo sợi dây buộc miệng túi và đổ vật bên trong xuống bàn thờ. Một mớ vật màu vàng lóng lánh từ trong túi tuôn ra.

Ồ! Mắt nó hoa lên. Đó là vàng! Để xác định mình không nhìn lầm, nó cầm lên từng món, nhấc nhấc cái tay xem nặng nhẹ thế nào. Ba lá vàng hiệu Kim Thành có hình cái núi, một tấm lắc, một sợi dây chuyền có xỏ mặt cẩm thạch hình trái tim, một khâu buộc khoảng mười cái nhẫn. Tất cả đều là vàng thật! Tất cả ước chừng khoảng năm lượng vàng.

Nó khấp khởi mừng thầm, nghĩ đây là của trời cho, mình có lấy số vàng này chẳng ai hay biết. Chắc chắn là như vậy. Có người đã bỏ quên số vàng ở đây, căn phòng cho thấy lâu lắm không có ai vào, chứng tỏ họ đã quên. Chứ không có ai lại đi cất của khoi khoi ở ngoài như vậy.

Bỗng nhiên tim nó đập mạnh, cảm thấy vừa hồi hộp vừa lo lắng. Nó đứng thù người trong giây lát với bao suy tính xoay trong đầu: “Mình sẽ lấy số vàng này và chuồn đi cho lẹ. Sau này họ có nhớ thì mọi chuyện cũng xong rồi. Hơn nữa đâu có chúng có gì. Ra khỏi nhà này mọi chuyện coi như xong.”

Còn nữa, một lát gặp bà chủ sẽ nói gì với bà đây để chứng tỏ nó là người đàng hoàng. Dễ thôi, nó sẽ hỏi bà chủ nhà bán bộ lư giá bao nhiêu, chỉ hỏi cho có lệ rồi nói mình không rành giá loại đồ cổ nên không biết mua. Bà ta nghe chắc sẽ vui lòng. Đó là cách rút lui êm thấm nhất. Cần phải bình tĩnh, thật bình tĩnh!

Kế hoạch rút lui nảy ra rất nhanh, như sắp xếp sẵn trong đầu: “Mình chỉ việc gom số vàng cho vào lại túi vải, rồi bỏ vào túi quần, bước ra ngoài thân nhiên. Việc làm này dễ dàng

quá, có gì phải lo.” Nó vội vàng cúi xuống nhặt từng món bỏ nhẹ vào túi vải, cố tránh gây tiếng động.

Số vàng khoảng năm cây này đối với nó là cả một gia tài. Nó sẽ bỏ ra bốn cây mua căn nhà một tầng lầu ở mặt tiền đường Nguyễn Cư Trinh, Quận Nhất. (Thời buổi này nhà bán rẻ như bèo, nhiều nhà lo bán thóc bán tháo để đi vượt biên.) Số vàng còn lại cho thêm vào vốn chuyện buôn bán. Nó khắp khởi mừng thầm, nhưng sao cảm thấy hồi hộp, lo lo. Rồi nó tự trấn an: “Chủ nhà này giàu có kéch xù- thuộc gia đình của Chú hoả mà- mất chừng này có nghĩa lý gì. Như con mèo rụng sợi lông, nhắm nhò gì.”



Nhìn hình ảnh này, người ta nghĩ gì về chế độ CS, khi tất cả đều ngập lụt sau cơn mưa?

Thật ra, nó biết mình không phải vì lương tâm cắn rứt, mà mang tâm trạng của người gian manh sắp phạm tội.

Nó tiếp tục gom hết số vàng cho vào túi rồi buộc lại miệng túi cẩn thận. Chỉ còn động tác cuối cùng là bỏ túi vải vào túi quần rồi mạnh dạn đi ra phòng ngoài, nhưng nó vẫn đứng ở đó. Tâm thần nó tự nhiên bán loạn, tim đập mạnh hơn bao giờ hết, như có một khối nặng đang đè trên người. Bất chợt nó nhìn lên vùng bóng tối mờ mờ trước mặt thấy có những cặp mắt đang âm thầm nhìn nó. Á! Nó la lên, hồn vía bay bổng

chín tầng mây. Một luồng hơi lạnh chạy từ dưới xương sống lên tới gáy, rồi lạnh toát cả người.

Phải mất vài giây nó mới hoàn hồn, nhận ra không có ai nhìn nó cả mà chẳng qua đó là những cặp mắt trong hình ở bàn thờ. Rồi nó lại nghe rõ ràng có tiếng động nhỏ, hình như có người đang bước nhẹ sau lưng nó. Nó quay phắc lại, không thấy ai cả.

Nhìn xuống nền nhà nơi gây ra tiếng động, nó thấy con mèo mới lách vào cánh cửa đang tinh nghịch với miếng vải. Cùng lúc đó, nó nghe tiếng nói:

- Bà ơi, vào đây xem! Có ai bỏ túi vàng ở đây nè!

Nó không thể tin được đó là tiếng nói của chính mình. Người nó ngẩn ngẩn, ngơ ngơ.

Một sự thúc dục từ sâu thẳm nào đã buộc nó nói lên lời đó? Không! Nó không có một ý nghĩ nào cả, mà từ vô thức. Bên ngoài có tiếng dép lẹp xẹp chạy vào phòng:

- Đâu, đâu? Cậu nói túi vàng ở đâu?

Thoáng một cái, bà chủ nhà đã chạy tới bên nó. Bà thấy túi vải ở trên bàn thờ liền chụp lấy, miệng ấp úng không nói nên lời:

- Ô, ồ...

Nó bước lui một bước. Thế là hết. Bây giờ thì không sao đụng đến túi vàng được nữa.

- Bà hãy xem kỹ lại đi, đâu còn nguyên đó.

- Ô, ồ... cảm ơn cậu quá, cảm ơn cậu quá!

Vừa nói, một tay bà cầm túi vàng, tay kia cầm tay nó đi ra khỏi phòng thờ với cử chỉ thiện cảm.

Tại phòng khách, bà mời nó ngồi xuống chiếc ghế nhỏ của bộ trường kỷ-một cử chỉ lịch sự đầu tiên từ lúc nó tới đây. Bà vội vàng mở túi vải đỏ vàng bên trong ra đặt bàn. Hai tay bà run run, người giàu có như bà bắt được vàng cũng run! Bà

đếm đi đếm lại, xem chừng có đủ đâu vào đó mới ngẩng đầu lên:

- Tui đã để quên túi này trong đó, gần cả năm nay đi kiếm hoài, tưởng đã mất rồi.

Nó ngồi thừ người ra, hai tai lủng bủng. Bà chủ nhà còn nói gì nữa nó cũng chẳng màng để nghe. Nó tự trách, như còn tiếc rẻ cái túi vàng nằm trên mặt bàn thờ, trong bóng tối mờ mờ, “Tại sao mình quá nhát gan như vậy”

Để tỏ lòng biết ơn, bà chủ nhà biếu nó bốn tấm tranh sơn mài có hình mai, lan, cúc, trúc được lấy trên cây cột treo ở giữa nhà, rồi tiễn chân nó tới tận cổng ra vào.

Cánh cửa sắt được khép lại. Đứng ở ngoài đường tâm trí nó mới dần dần bình tĩnh lại. Ánh sáng chói chan của buổi trưa như xua tan bóng tối mờ ảo ở trong bàn thờ mà nó mới rời khỏi. Bên kia cổng sắt là hư ảo, là mơ. Nó trở về với thực tại, cảm thấy dễ chịu như vừa trút bỏ một gánh nặng. Hồn nó lâng lâng. Một niềm vui nhẹ nhẹ và thâm lặng len lỏi vào tâm hồn nó. Có lẽ, đó là niềm vui vừa thoát được sự căm dỗ.

Về lại chợ trời, nó sang lại bốn bức tranh sơn mài cho người bạn hàng chuyên bán loại này được mười đồng. Họ cho giá bao nhiêu, nó bán bấy nhiêu, không hề kì kèo mặc cả. Cả túi vàng kia còn không lấy, hơi đâu kì kèo giá cùn con này.

Trở lại sạp của mình, nó ngồi dựa lưng vào bức tường cô chộp mắt một chút cho khoẻ, nhưng bao ý nghĩ hỗn độn luôn quay cuồng trong đầu. Phải chăng vì tiếc nuối. Cứ bỏ túi vàng vào túi quần rồi tự nhiên đi ra khỏi phòng thờ thì giờ này khâm khá rồi. Sao việc chỉ đơn giản thế mà nó không làm được? Nếu lúc ấy là kẻ gian thì chẳng lấy gì ngạc nhiên, đáng xấu hổ; còn bây giờ là người lương thiện cũng không có gì để tự hào.

Không! Hoàn toàn lúc đó nó không có một chút ý niệm gì về danh dự, tự trọng, điều nào tốt, điều nào xấu, điều nào nên làm, điều nào không nên làm. Giữa hai cái mâu thuẫn ấy ranh giới là đường tơ kẽ tóc.

Gần bốn mươi năm qua... Thời gian như vó câu qua cửa sổ. Sự việc cũ, ngày nào tưởng chừng như mới xảy ra, tất cả chỉ còn là dấu ấn khó quên trong cuộc đời.

Khi còn ở trong nước, có những lúc tận cùng khốn khổ, nó nhớ lại chuyện ấy mà không hề nuối tiếc. Đã nhiều lần nó tự hỏi tại sao nó đã có phản ứng đó? Tại nhát gan? Hoàn toàn không, vì nó biết rằng nếu như câu chuyện trở lại như lúc ban đầu, hay có trường hợp tương tự, nó cũng cũng có hành động như thế thôi.

Ánh sáng chiếu qua lăng kính cho ra bảy màu. Hành động trong cuộc sống cũng qua nhiều “lăng kính”. Đó là sự giáo dục từ gia đình, từ trường học, trường đời...

Đối với nó, đó là từ sự tôi luyện từ mái trường mà nó tự hào. Ở đó có điều tâm niệm:

“Danh dự là kim chỉ nam, hướng dẫn mọi suy tưởng và hành động của người Sinh Viên Sĩ Quan.”

Điều tâm niệm ấy vô hình nhưng luôn tồn tại. Trong ranh giới đường tơ kẽ tóc của sự chọn lựa; QUA LĂNG KÍNH ẤY, nó soi đường ta đi; ta làm theo mà nào hay biết./.





MẶT THẬT TÀN ÁC CỦA CỘNG SẢN VN LỘ RÕ KHI

HẠ SÁT TRUNG TÁ VÕ VÀNG

Phạm Văn Hồng, K20

Lời giới thiệu:

Tác giả, Thiếu Tá Phạm Văn Hồng xuất thân Khóa 20 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, phục vụ tại Bộ Tư Lệnh/ Quân Đoàn I/ Phòng 3. Ngày 16 tháng 1 năm 1974, ông và G. Kosh, một nhân viên của lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Đà Nẵng có nhiệm vụ theo tàu Hải Quân VNCH ra đảo Hoàng Sa khảo sát, nghiên cứu kế hoạch thiết lập sân bay. Ba hôm sau, quân Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa, bắt tất cả quân nhân VNCH kể cả nhân viên của Tòa Lãnh Sự Mỹ.

Sau một tuần, Trung Cộng đã thả người Mỹ vì lý do “nhân đạo”, và sau 29 ngày, các quân nhân VNCH mới được trả tự do. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Thiếu Tá Hồng đã bị Cộng phi giam trong trại lao động khổ sai hơn 8 năm ở Quảng Nam. Thiếu Tá Phạm Văn Hồng là một trong những nhân chứng vụ Cộng phi thảm sát Trung Tá Võ Vàng, K17 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Trân trọng.

Khi nhắc đến danh tánh cố Trung Tá Võ Vàng, cựu Sinh Viên Sĩ Quan khóa 17 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, có lẽ rất nhiều chiến hữu phục vụ tại Vùng I Chiến Thuật, nhất là các quân nhân Biệt Động Quân và người dân thị xã Huế, hẳn không ai xa lạ gì với tên tuổi của anh. Lý do dễ hiểu là vì trong

biên cố Mậu Thân 1968, với trách nhiệm tái chiếm các mục tiêu từ Vĩ Dạ, Dương Nổ, Bãi Dầu, và cuối cùng là Gia Hội, đơn vị anh đã đạt chiến thắng lẫy lừng và thanh toán mục tiêu trước giờ ấn định. Kết quả lối hành quân thần tốc của đơn vị anh khiến người dân cố đô Huế đã hết sức cảm phục và thỉnh cầu vị Tư Lệnh Vùng I Chiến Thuật lưu giữ Tiểu Đoàn 21 Biệt Động Quân, mà anh là Tiểu Đoàn Trưởng, ở lại thị xã để dân chúng được yên tâm sinh sống hầu tái thiết, an cư lạc nghiệp. Ý dân là ý trời, tiểu đoàn của anh phải “trấn thủ lưu đồn” tại vùng sông Hương, núi Ngự suốt sáu tháng mới được “buông tha”, lên đường chiến đấu tại những chiến trường khác cũng đang rất cần sức chiến đấu của tiểu đoàn anh.

Tên tuổi của anh đã bị bọn quỷ đồ ghi vào sổ đen từ dạo ấy.

Sau này với chức vụ Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 5 thuộc Sư Đoàn 2 Bộ Binh, anh lại tạo một chiến thắng lẫy lừng khác tại vùng cực Nam tỉnh Quảng Ngãi, đó là mặt trận Bình Đê, Sa Huỳnh. Trong cuộc thư hùng nảy lửa này, Trung Đoàn 10 địa phương cộng phỉ gần như bị xóa sổ hoàn toàn. Và đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến cái chết đầy oan khiên và đau đớn của anh sau này.

Người viết bài tường thuật này có cơ duyên biết khá nhiều về Trung Tá Võ Vàng, nhất là sau khi tên dã thú bắn anh 7 phát đạn từ sau ra trước. Người viết lại là người đầu tiên khiêng thi thể của anh từ suối lên mặt đường và làm biên bản về cái chết đau thương này...

X X X

Sau ngày 29 tháng 3 năm 1975, ngày thành phố Đà Nẵng bỏ ngõ, bọn cán bộ tiến vào thị xã, người dân xứ sông Hàn mới lần đầu tiên nghe được từ ngữ “Ủy Ban Quân Quản”. Đến ngày 5 tháng 4 năm 1975, những quân nhân không còn đơn vị, từ sáng sớm đã nghe một bản thông cáo của “Ủy Ban Quân Quản” của CS thành phố đọc đi đọc lại trên đài phát thanh Đà Nẵng đại khái nói rằng: “Tất cả các sĩ

quan Ngụy, không chậm trễ, hãy tập hợp về số 2 đường Đông Đa, Đà Nẵng để nghe nói chuyện về tình hình đất nước.”

Đây là cú lừa đầu tiên mà tất cả quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, vốn chân thật chưa hề bao giờ ngờ được sự trá trá xảo quyệt của bọn lưu manh, đã vấp phải. Bị thôi thúc bởi bản thông cáo, tất cả các sĩ quan lữ lượt kéo nhau đến địa điểm nói trên để tìm hiểu xem hiện tình đất nước biến chuyển như thế nào. Và thế là, tất cả những người chân thật ngay thẳng, đã tự động... chui vào rọ! Có vào mà không có ra!

Cuộc đời tù “cải tạo” của những quân nhân còn kẹt lại khắp các vùng xứ Quảng bắt đầu từ đây. Chúng tôi bị đưa lên trại Kỳ Sơn, thuộc tỉnh Quảng Tín. Nơi đây chỉ là một vùng rừng núi hoang vu, cạnh suối nước chảy quanh co dưới chân khu mỏ vàng Bồng Miêu. Bây giờ danh nghĩa của chúng tôi bị gọi là những người “tù cải tạo”. Ngày ngày chúng tôi ăn không đủ no, mặc không đủ ấm nhưng phải lên rừng chặt cây, cắt tranh, rồi chính mình cùng nhau dựng lên những căn nhà... để tự nhốt mình.

Mới đầu, anh Võ Vàng và chúng tôi ở cùng Khối 2 thuộc Trại 1 Kỳ Sơn, nhưng khác nhà. Anh ở nhà 6 còn tôi ở nhà 9. Hai nhà này hầu hết là sĩ quan cấp tá, và thường đi lao động chung với nhau. Sau một thời gian ngắn, qua sự xào xáo “biên chế” lại, anh Vàng về ở cùng nhà với chúng tôi.

Thực sự thì khi anh còn ở Biệt Động Quân, tôi đang ở Tiểu Đoàn 3/1 thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh. Tôi chỉ nghe danh anh chứ chưa hề biết mặt. Mãi cho đến sau này, khi anh rời binh chủng Biệt Động Quân về ngồi tạm tại Phòng 3, Quân Đoàn I để chuẩn bị theo học khóa tham mưu tại Đà Lạt, tôi mới hân hạnh được biết anh, vì tôi đã về Phòng 3/QĐI từ trước. Sau khi tốt nghiệp khóa học, Bộ Tổng Tham Mưu/ Tổng Cục Quân Huấn chỉ định Trung Tá Võ Vàng, K17 về phục vụ tại TVBQGVN do những chiến công mà anh đã đạt được, cùng những kinh nghiệm chiến trường vô cùng quý báu mà anh đã

thu thập qua những trận ác chiến với cộng quân. Những kinh nghiệm này cần được gìn giữ, lưu truyền cho các đàn em của anh. Trong thời gian phục vụ tại Trường Mẹ, Trung Tá Võ Vàng đã đảm nhận chức vụ Trưởng Khoa Chiến Thuật, rồi Trưởng Khố Huấn Luyện, thuộc Quân Sự Vụ. Là một Niên Trưởng, anh đã đem tâm huyết trao hết kinh nghiệm đầy máu và nước mắt cho đàn em của mình đang còn miệt mài kinh sử.



Thiếu Tá Võ Vàng, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 21 BĐQ, 1967. (Hình ảnh còn lưu lại từ một cựu quân nhân Mỹ, đã từng làm cố vấn cho BĐQ.)

Đến tháng 3 năm 1972, tình hình chiến sự vô cùng sôi động, Trung Tá Võ Vàng muốn được trở lại chiến trường xưa, đơn vị cũ... để cùng đồng đội chia xẻ hiểm nguy, mặc dầu chị Võ Vàng không vui! Anh đã đạt

được ước nguyện của người trai Võ Bị.

Đến bây giờ anh lại tái ngộ với tôi ở một nơi, trong một cảnh ngộ thật nghiệt ngã mà cả anh cũng như tôi, chẳng ai mong ước: Trại 1 “Cải Tạo” Kỳ Sơn.

Mỗi ngày anh cùng tôi rong ruổi trong công tác đốn củi, cắt tranh, làm rẫy, trồng sắn, cuộc ruộng, cấy lúa v.v.... Thôi thì đủ thứ tạp dịch không tên, kể sao cho xiết.

Rồi ngày 11 tháng 4 năm 1976, ngày báo hiệu đại họa đã tới. Hôm đó là Chủ Nhật, anh Võ Vàng có tên gọi trong danh sách thăm nuôi. Người thăm anh không ai khác hơn là chị Võ

Vàng.

Kịch bản đã được soạn thảo từ lâu, mãi đến hôm nay mới là lúc bọn khát máu thực hiện. Chúng chuẩn bị tạo yếu tố tâm lý rất ác độc, nhưng hoàn toàn là bịa đặt, về con người anh Võ Vàng. Trong những lần sinh hoạt của toàn trại trên hội trường, tên Chính Ủy Trung Đoàn đến nói chuyện với tù nhân đã ngược ngạo, láo khoét tuyên bố rằng:

- Tên Trung Tá Võ Vàng là một tên mang rất nhiều tội ác với nhân dân và chiến sĩ cách mạng. Tên này độc ác đến nỗi mỗi khi sát hại một chiến sĩ cách mạng, hắn đều cắt tai rồi xâu thành chuỗi đeo tòng teng trước ngực, đi nghênh ngang trong thành phố Đà Nẵng.

Thật rõ ràng là chỉ những người cộng sản chuyên nghề lừa đảo mới tuyên truyền được những lời gian trá trắng trợn như thế. Thử hỏi vào lúc đó, thành phố Đà Nẵng có khoảng tám trăm ngàn dân, liệu có **một** người dân nào nhìn thấy anh Võ Vàng đeo tai Việt Cộng trước ngực, đi nghênh ngang trong thành phố hay không?

Song song với sự chuẩn bị yếu tố tâm lý, chúng đã tiên liệu thời gian anh Vàng sẽ có thăm nuôi, vì qui chế của tổng trại Kỳ Sơn lúc đó là 3 tháng được thăm một lần. Một tên quân báo từ Quân Khu 5 của CS đã xuống chờ sẵn tại Trại 1. Đến ngày anh được thăm nuôi, chúng cử một cảnh vệ tên Bốn, là một tên có máu lạnh, hướng dẫn bốn năm người trong danh sách ra khu thăm nuôi gặp gia đình. Sau ít chục phút gặp người thân, tên Bốn ra lệnh cho mấy anh em chuẩn bị về trại. Anh Vàng cũng cùng với mấy anh em khác sẵn sàng trở về, thì tên quân báo nói trên đã chờ sẵn tại khu thăm nuôi, lấy uy quyền của một cấp lớn hơn cho phép ở lại với gia đình thêm một thời gian.

Tên Bốn lại hô tất cả mọi người tập hợp đầy đủ để trở lại trại. Anh Vàng cùng mọi người chuẩn bị thì tên quân báo này lại một lần nữa ra lệnh cho anh Vàng được ở lại. Dĩ nhiên là lẽ

thường tình được một cấp lớn hơn cho phép, lại thêm yếu tố tình cảm gia đình thì đương nhiên anh Vàng nghiêng về phía ở lại. Tên cảnh vệ đành tức tối dẫn toán được thăm nuôi trở về trại, không có anh Võ Vàng. Đây là một yếu tố tâm lý vô cùng thâm độc, chúng cố tình kích động lòng tự ái của tên Bốn hầu gây lòng hận thù với tên vệ binh này, để chúng xử dụng tên này một cách đắc lực và hiệu quả trong chủ đích sát hại anh trong vài ngày sau.

Đường như linh tính được báo trước nên tuy được thăm nuôi và lại được ở lại lâu gấp đôi, gấp ba những anh em khác, nhưng khi về trại mặt anh lại lộ rõ vẻ không vui như lẽ thường tình. Và quả đúng, đến chiều anh bị gọi lên ban chỉ huy trại để nhận lệnh.

Xin được tản mạn ra ngoài đề, để mô tả căn nhà chúng tôi ở. Cũng giống như tất cả các nhà khác trong trại lán chúng tôi ở có bốn sạp ở bốn góc, bằng những cây rừng do chính những người tù đi chặt về ghép lại với nhau thành bốn sạp để nằm. Bốn sạp bốn góc đã tạo thành chữ thập dùng làm lối đi ở giữa. Tôi may mắn được nằm ngay trung tâm chữ thập, còn anh Vàng thì ngược lại, xuyên tâm đối với tôi, nghĩa là anh nằm tuốt phía ngoài bia. Mô tả như vậy để quý độc giả hiểu được rằng chỗ tôi nằm là đắc địa, vì tại tâm của chữ thập có đào một cái hố để tới đến đốt lửa, hun khói để vừa đuổi muỗi, vừa sưởi ấm cho bớt lạnh. Củi đốt thì khô lo, sống ở rừng, mỗi khi hết giờ lao động, mỗi người tù đều phải vác về một cây củi để dùng cho chính mình vào buổi tối.

Chính vì vị trí đắc địa này mà mỗi tối anh Vàng thường lân la đến chỗ tôi nằm để hút thuốc lào với anh Phạm Ngọc Bảo. Anh Bảo là người có quan hệ mật thiết với anh Vàng, vì hai anh có nhà ở cạnh nhau trong vùng bãi biển Thanh Bình, Đà Nẵng. Hơn nữa, anh Bảo thuộc khóa 12 còn anh Vàng khóa 17 Võ Bị. Phần tôi là em út của cả hai anh, vì tôi thuộc khóa 20. Vì tình Võ Bị này mà ba anh em chúng tôi rất thương yêu và tuyệt đối tin tưởng nhau. Yếu tố tin tưởng này rất quan trọng,

vì ở trong tù một sự kiện vô cùng ô nhục là tình trạng “ăng ten”, nên không ai dám hở miệng tâm sự với người khác. Ba anh em chúng tôi thì không phải e ngại về yếu tố này.

Và rồi, như thường lệ, ngay buổi tối hôm thăm nuôi định mệnh này, anh đã kể hết một cách tường tận về chuyện được thăm nuôi thêm giờ, gây tức tối cho tên vệ binh và trại bắt anh phải làm kiểm điểm, vì đã cưỡng lệnh cảnh vệ. Anh hỏi ý kiến tôi và anh Bảo xem nên viết kiểm điểm như thế nào. Tôi đã rất chân tình góp ý với anh là chỉ viết thật ngắn gọn rằng: “Khi tôi được anh cảnh vệ ra lệnh về lại trại, tôi đã “nghiêm chỉnh” thi hành và chuẩn bị trở về, thì cán bộ của quân khu đã có nhã ý cố giữ tôi được ở lại với gia đình thêm ít phút nữa. Tôi cam đoan đây là lời khai sự thật của tôi v. v...”

Sáng thứ hai, ngày 12 tháng 4 năm 1976, anh viết xong bản kiểm điểm ngắn gọn như tôi đã góp ý và nộp cho trại, rồi trở về tiếp tục đi lao động cùng chúng tôi.

Buổi tối, anh lại đến chỗ tôi nằm và hút thuốc cùng anh Bảo, nhưng tâm trạng của anh vô cùng bồn chồn và lo lắng. Dường như tử thần đã báo trước cho anh thời khắc chấm dứt cuộc sống sắp tới. Tôi và anh Bảo trấn an anh cách nào cũng không làm anh giảm được sự bồn chồn lo lắng ấy.

NGÀY ĐỊNH MỆNH

Hôm nay là thứ Ba, ngày 13 tháng 4 năm 1976, như thường lệ, nhà chúng tôi được phân công đi phát rẫy trên đồng Cò Bay, lối đi lên vùng mỏ vàng Bồng Miêu và do chính tên Bốn dẫn đi. Khi vài anh có nhiệm vụ trực trong nhà, ra nhà kho để nhận dụng cụ phát rẫy gồm dao tông và rựa vè, anh Vàng đã nhận một con dao tông giống như tôi. Dường như muốn dè nén nỗi lo âu, anh luôn luôn đi cạnh tôi và trò chuyện cho khuây khoả... Đến khi vào khu vực phát rẫy, những người cầm rựa thì đốn những cây tương đối nhỏ, còn những người cầm dao tông như anh và tôi thì phải hạ những cây có đường kính lớn hơn. Gặp những cây quá lớn với cành lá xum xuê thì hai

anh em chúng tôi cùng đốn một cây.

Bỗng nhiên khoảng 10 giờ sáng, chúng tôi đã tiến lên cao được khoảng mười thước cách đường mòn, thì từ phía dưới đường, tên Bốn nói với lên trên:

- Anh trưởng toán đâu, cho tôi mười người cầm dao tông đi theo tôi lên phía kia đốn những cây lớn hơn.

Lúc đó anh nhà trưởng đi kiếm những người cầm dao tông. Anh Vàng nói với tôi:

- Ê mày, thôi tụi mình xuống đi, nó đang kiếm người cầm dao tông kia.

- Kệ cha nó, mình cứ lơ đi, coi như không nghe thấy. Tôi trả lời.

Chỉ một lát sau đó, tên Bốn đứng ngay sau lưng chúng tôi dưới đường mòn, vừa nói vừa chỉ thẳng vào anh Vàng:

- Anh kia! (Làm như tên này không biết tên anh Vàng.) Xuống đây đi đốn chỗ khác.

Thế là anh Vàng đi xuống, trong khi tôi vẫn đứng nguyên tại chỗ mà tên này không gọi tôi. Đây là giây phút cuối cùng, sau đó tôi vĩnh viễn không bao giờ còn đứng cạnh anh nữa.

Anh mới rời tôi khoảng vài chục phút thì một loạt đạn chất chúa vang lên. Tôi chẳng hiểu chuyện gì xảy ra nhưng vẫn nhủ trong lòng chắc có chuyện chẳng lành...

Mãi cho đến giờ nghỉ trưa, tôi tụt xuống đường mòn để chuẩn bị ăn trưa thì gặp ngay anh Lê Văn Lộc, Thiếu Tá Cảnh Sát, nguyên Trưởng Khối CTCT, Ty Cảnh Sát Thừa Thiên - Huế, hôm nay làm nhiệm vụ anh nuôi, nấu nước cho anh em uống. Thấy tôi, mặt anh chảy dài, mắt đỏ ngầu, ứa nước mắt, và nói ngay với tôi rằng:

- Anh Vàng chết rồi!

Tôi hết sức bàng hoàng, tay chân bủn rủn. Lần lần tôi mới vỡ lẽ. Số là, sau khi tên Bốn tách mười người đi đốn cây ở chỗ

khác, y đã dẫn toán này đi xa nơi cũ, chỉ chừng vài ba chục mét về hướng đồng Cò Bay, gần cây cầu lũng, địa danh “cây cầu lũng” anh em trại 1 Kỳ Sơn ai cũng biết, tên Bốn chỉ cho mọi người lên đó mà đón. Khu vực này cây cối cũng có lớn, nhỏ, có hơn chỗ cũ gì đâu, mục đích chính chỉ là y muốn tách rời mười người này ra xa khỏi toàn khối 2 của chúng tôi. Sau đó, Bốn lại lấy hai người trong số mười người dao tông này, để đi đón đót về làm chôi cho trại! Mản trình diễn này quá tồi. Nếu đón đót thì phải gọi những người cầm rựa mới đúng vì dễ khoèo, dễ phứt, chứ sao lại lấy người cầm dao tông?

Hai người mà Bốn chỉ định là anh Võ Vàng và anh Nguyễn Văn Bá, Trung Tá Thủ Khoa khóa 13 Võ Bị....

Rõ ràng quá! Ý định đen tối của Bốn là lấy anh Vàng ra khỏi đám đông để dễ dàng động thủ, che dấu dã tâm đầy thú tính của mình. Khi hai anh vừa rời toán được mấy chục thước, thì Bốn chỉ tay nói anh Vàng xuống suối mà tìm đót còn anh Bá thì đi thẳng qua bên kia cầu lũng, chứ hai người cùng đi với nhau thì đót đâu cho cả hai người cùng đón!

Anh Vàng vừa xuống hướng suối không đầy mười thước, thì một tràng đạn AK nổ dồn. Mấy chục con người mang thân tù tội đang cặm cụi đón cây, đều ngừng tay. Linh tính cho biết là chắc chắn có chuyện gì bất thường.

Phần tôi, tôi biết được chi tiết vừa trình bày là do anh Bá kể lại. Và rồi, tiến xa hơn một chút, tôi càng được tường tận hơn khi tên Bốn đã nhìn tôi và yêu cầu tôi cùng anh Trần Hữu Cảnh, Thiếu Tá Phòng 2 Quân Đoàn I xuống hướng suối để khiêng xác anh Vàng lên. Vừa rẽ khỏi đường mòn chừng mười thước, tôi đã chứng kiến cảnh đau lòng đến xé ruột diễn ra trước mắt mình. Anh Vàng nằm úp mặt xuống dòng suối cạn. Từ thắt lưng lên đầu thì ướt, phần còn lại từ lưng xuống chân thì vẫn khô. Anh nằm úp mặt dưới suối. Khi lật xác anh lên, chúng tôi muốn oà khóc vì thấy những phát đạn quá tàn bạo. Tôi đếm được tất cả bảy vết đạn đều bắn từ sau ra trước, mà

trong đó hình ảnh của hai phát đạn xuyên ra phía trước thân thể anh, đã ám ảnh, đã hằn sâu, trong tâm trí tôi cho đến suốt đời, vì hai phát này đã kết liễu đời anh. Một phát từ sau lưng bắn toác ra phía trước ngực, hơi chéch về trái, có nghĩa là anh đã bị vận tốc xoáy của viên đạn phá tan tim và lồng ngực. Phát thứ hai từ hàm phải xuyên qua cửa miệng trái, vỡ hết hàm răng khiến cho miệng anh không còn khép lại được nữa. Năm phát còn lại thì rải rác ở cánh tay, hông, và ống chân...

Khiêng thi thể của anh lên mặt đường, đặt gần nơi anh Lộc làm anh nuôi, lúc này tôi mới lục trong túi của anh lấy ví, mở ra, thấy trong đó có tấm hình vợ con và số tiền 200 đồng. Một nhẫn vàng khoảng hai chỉ trên ngón tay và cổ tay còn đeo chiếc đồng hồ Longine. Xin mở ngoặc, vào lúc này do bên quân đội quản lý, nên các tù nhân vẫn còn được giữ các tư trang. Chỉ sau này, khi bọn bò vàng (công an) quản lý thì tư trang và tiền bạc mới bị ký gửi.

Khi làm biên bản, một sự lưu manh, xảo trá chuyên nghiệp của bọn cộng sản lại được thể hiện: cụ thể là chiếc nhẫn vàng thì chúng buộc tôi phải viết lại là chiếc nhẫn **màu vàng** và không ghi rõ trọng lượng! Sau này khi sang Hoa Kỳ, duyên may tôi được gặp chị Võ Vàng, tôi mới vỡ lẽ là họ trả lại cho chị chiếc đồng hồ hiệu Seiko. Quái lạ! Đồng hồ Longine đã bị “cải tạo” thành Seiko.

Sau khi làm biên bản, thi hài anh Vàng vẫn được để nằm tại chỗ. Khi ăn cơm trưa xong, một số anh em mới được phân công khiêng thi hài của anh về trại. Những anh này gồm anh Nguyễn Văn Tố, Trung Tá nguyên Tỉnh Trưởng Phú Yên, anh Nguyễn Văn Chức, Trung Tá, nguyên gốc Biệt Động Quân cùng thời với anh Vàng, anh ĐHX, Thiếu Tá thuộc Thiết Đoàn M48, Quảng Trị, và anh Trần Hữu Cảnh, Thiếu tá P 2/QĐI.

Một chuyện lạ rất huyền bí không chứng minh được do chính anh Trần Hữu Cảnh kể lại cho tôi nghe. Khi về đến gần cổng trại, phía bên tay phải là một căn nhà nhỏ chúng tôi

thường gọi là chuông cu, dùng để nhốt những anh bị kỷ luật, “cảnh vệ” đã chỉ cho toán khiêng xác anh Vàng vào trong đó. Bỗng nhiên xác anh nặng trĩu hai người khiêng bị trĩu hẳn xuống, không cách gì khiêng nổi. Anh Cảnh chợt nghĩ ra rằng đây là nhà kỷ luật chắc anh Vàng nhất định không chịu vào. Anh Cảnh bèn khấn vái với anh Vàng rằng:

- Xin anh hãy thông cảm cho chúng tôi được khiêng anh vào. Chúng tôi bắt buộc phải làm, chứ không phải tội tôi muốn như vậy.



*Một hình ảnh của người lính
BĐQ*

Sau nhiều lời khấn vái thì xác anh bỗng nhẹ hẳn đi để anh em khiêng vó.

Chưa hết, sau này tôi lại được một vài anh em ở ngoài Tổng Trại kể lại rằng tên Bốn sau này dường như bị điên điên, khùng khùng, suốt ngày cứ lảm nhảm vừa đi vừa nói:

- Tôi đâu có muốn giết anh! Tôi đâu có muốn giết anh!

Việc này tôi chỉ nghe kể lại chứ không được chứng kiến nên không hiểu thực hư ra sao, xin chỉ viết lại với sự dè dặt tối đa.

Khi đào huyệt chôn anh lại gặp nhiều rắc rối. Những người đào huyệt đang đào nửa chừng thì người trưởng trại tên Nhất, đi họp ngoài Tổng trại về, trông thấy bèn cho biết là chôn ở vị trí này, vì người ta sẽ phóng đường để cho xe cộ có thể chạy được lên mỏ vàng Bông Miêu. Mọi người phải dừng tay, lấp hố, đi đào huyệt khác. Đến vị trí thứ hai mới đào sâu được vài chục phân, thì gặp phải đá tảng, không cách gì đào nổi, nên lại phải đi kiếm chỗ khác. Huyệt thứ ba ở khá cao trên triền núi. Khi đã xấp tối toán chôn cất mới hoàn tất việc mai táng cho anh.

Kiểm chứng lại việc chúng muốn phục thù, cướp mạng sống của anh, mới thấy rõ là chúng chuẩn bị một kế hoạch rất tỉ mỉ. Từ việc cử một tên cán bộ quân báo của Quân Khu 5 CS xuống chờ sẵn, đợi dịp anh Vàng được thăm nuôi, chọn một tên vệ binh có máu lạnh dẫn anh đi, gây cho hẳn lòng căm phẫn với anh Vàng. Sau ngày chủ nhật được thăm nuôi, ngày thứ hai bắt nộp bản kiểm điểm, rồi đánh giá là lời khai tránh trớ, quanh co, ngoan cố không nhận lỗi, ngày thứ ba cho đi lao động, cố ý cắt cử tên vệ binh Bốn hướng dẫn đi phát rẫy, rồi xuống tay hạ thủ và kết quả đã đúng như dự tính.

Thế nhưng nói như thế không có nghĩa là chúng không để lộ ra những màn diễn xuất quá tồi. Ngay sau khi bắn anh Vàng, tên Bốn đã xuống suối nhúng nước cho quần ướt đến đầu gối rồi thất thểu vác súng về trại, biết bao nhiêu cặp mắt anh em tù chúng tôi thấy khẩu súng của y còn nguyên vẹn, nhưng đến xế trưa, khi bọn cán bộ từ trung đoàn đến nơi xảy ra án mạng làm biên bản thì báng súng lại có vết chém! Biên bản ghi rằng “tên Vàng phản động” tính chém vệ binh để cướp súng khiến vệ binh buộc lòng phải bắn để tự vệ. Nhưng lối bịch thay vết đạn bắn lại toàn từ phía sau ra phía trước! Về điểm này xin được nói thêm là nhà 9 chúng tôi, tối tối thường có một y tá người Bắc, thường lân la xuống trò chuyện và hút thuốc lào với anh em chúng tôi. Ngay buổi tối hôm đó, như thường lệ, anh y tá này lại xuống, vừa bước vào nhà anh đã buột miệng nói ngay:

- Đ.M. chúng nó, chúng nó đang tâm bắn một người vô tội, vết đạn rõ ràng bắn từ sau ra trước mà bảo người ta là phản động, cướp súng của vệ binh! Ngày mai ghi vào biên bản xác minh, bố mày sẽ ghi rõ ràng là vết đạn bắn từ sau ra trước.

Và tiếc thay, chỉ vài ngày sau khi mộc mạc thốt ra những lời kể trên, người y tá còn chút nhân tính này không thấy xuất hiện tại nhà 9 chúng tôi nữa. Cướp đi mạng sống của anh Vàng, chúng vẫn chưa thỏa mãn được lòng hận thù của chúng. Chị Vàng sống tại Đà Nẵng cũng không được yên thân. Sau này khi được gặp chị, tôi mới được biết, chị bị cắt hết nguồn sống

của mẹ con bằng cách không cho chị được tiếp tục dạy học tại trường trung học Phan Chu Trinh, Đà Nẵng nữa. Đồng thời còn cô lập gia đình chị bằng cách phao tin Võ Vàng là “một tên phản động khát máu, mặc dầu được đưa vào trại cải tạo để giúp hắn trở nên người lương thiện nhưng vẫn giữ bản chất cũ, đã có tinh cầm dao chém cảnh vệ để cướp súng, nên đã bị đền tội.” Thế là tất cả bà con chòm xóm, ngay cả người thân trong gia đình cũng phải xa lánh mẹ con chị, vì sợ bị liên lụy. Ấy là chưa kể nhiều người quá ngây thơ khờ dại, tin lời bịa đặt, đã chê trách anh Vàng quá dại dột, dùng dao mà đọ sức với súng đạn thì làm sao mà thắng nổi! Anh hùng rom!

Mãi sau này, trong một dịp nhà báo Huy Phương phụ trách chương trình “Huỳnh Đệ Chi Bình” của đài SBTN có nhã ý tìm gặp tôi và muốn được tôi kể lại chuyện Trung Tá Võ Vàng bị thảm sát trong tù, tôi mới có dịp tường thuật khá đầy đủ cùng khán thính giả của đài. Chị Vàng đã xem được cuộc phỏng vấn này và chị đã phần nào được an ủi:

- Xem như anh Vàng đã được rửa mặt. (Rửa mặt ở đây có nghĩa là rửa nhục, lấy lại danh dự.)

Chỉ tiếc một điều là sao lại có một số người quá nhẹ dạ cả tin, nhất là tin lời tuyên truyền của Cộng Sản. Có lẽ họ chưa được nghe lời chỉ giáo của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. (“**Đừng nghe những gì CS nói, mà hãy nhìn kỹ những gì CS làm.**”)

Mặt khác, mới thời gian ngắn trước đây tôi lại được dịp đọc một bài viết của anh Đ.H.X, cũng viết về cái chết của anh Vàng. Với anh Đ.H.X, tôi cũng biết khá nhiều về anh ngay từ khi mới nhập trại. Kẹt một nỗi là nay anh vẫn còn ở Việt Nam, bởi một lý do tôi không tiện nói ra vì sẽ rất có hại cho anh trong cảnh ngộ quá ngặt nghèo này. Đọc bài viết của anh, tôi vô cùng cảm phục cái tâm của anh, vì sau khi chứng kiến cái chết của anh Vàng, phải khiêng anh về trại, mai táng cho anh Vàng, anh đã nguyện trong tâm rằng sẽ kể lại đầy đủ cái chết

đau thương này, thì anh mới yên lòng trước khi nhắm mắt. Chỉ tiếc là hoàn cảnh của anh vẫn còn trong tình trạng cá chậu chim lồng, nên chưa nói hết được những gì anh muốn nói. Và lại, anh mới chỉ viết được phần anh chứng kiến kể từ đoạn thi hài anh Vàng được khiêng về trại và anh bị buộc phải làm biên bản sai sự thực, trái hẳn với những gì anh được chứng kiến, rồi tiếp theo phải ký vào biên bản trước họng súng.

Tự trung, cái chết của anh Võ Vàng tính đến nay, năm 2017, đã trôi qua hơn bốn thập niên, nhưng hình ảnh quá đau thương tàn bạo, đối với người được chứng kiến tận mắt như chúng tôi lúc nào cũng vẫn còn hiện rõ mồn một...!

Nếu được đọc lịch sử về cuộc nội chiến Nam-Bắc của Hoa Kỳ, sự ứng xử của đoàn Bắc Quân chiến thắng với đội Nam Quân chiến bại hết sức mã thượng, danh dự của kẻ chiến bại vẫn được tôn trọng. Gần hơn nữa, sự kiện bức tường Bá Linh sụp đổ, người Tây Đức cũng tiếp đón người Đông Đức vô cùng quân tử, không một chút hận thù. Có ai đó mơ mộng rằng đám cầm quyền CS Việt Nam cũng đối xử nhân đạo, tử tế với Việt Nam Cộng Hoà thì quả là người đó đã mắc bệnh... hoang tưởng!

Mặt khác, cuộc cải cách ruộng đất còn đó, vụ án Nhân Văn Giai Phẩm còn đó, và mới đây nhất làn sóng đỏ tràn ngập miền Nam còn đó. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, các trại tù khổ sai, nhục hình mang danh “cải tạo” mọc lên như nấm gặp mưa. Cách đối xử với người tù vô cùng dã man, ác độc, mà vụ sát hại anh Võ Vàng là một điển hình. Thế mà lũ người **Xạo - Hết - Chỗ - Nói** vẫn lải nhải kêu gọi xóa bỏ hận thù, hòa hợp hòa giải dân tộc thì quả là chúng đang bị chứng... mộng du!

California, ngày 23 tháng 9 năm 2017.

Xuân Nay Nhớ Nhà.

Lê Anh, K27

Năm tháng trôi qua đầu tóc bạc
Trời cao khó thể trốn vào đâu
Đời người sức kém theo nhiều tuổi
Mộng cũng dần vơi cuối nẻo sầu

*Mấy chục năm làm người biệt xứ
Đêm tàn trăng rụng kiếp nhân sinh
Mài guom, kết bạn tìm tri kỷ
Soi gương chỉ thấy bóng già hình*

Mấy chục năm quanh đi quẩn lại
Chuyện cũ nghe hoài đầy cả tai
Thời gian không đứng yên một chỗ
Cuộc cờ người còn lại những ai?!

*Cuối năm Xuân đến âm thầm muộn
Xuân này có khác Xuân trước không?
Ngậm ngùi kỷ niệm nằm im tiếng
Mắt nhìn sâu kín một chân không*



Mây nước xa vời nơi xứ lạ
Xuân gì tuyết phủ ngập cỏ cây
Quanh đây màu đất màu đất bạc
Lòng buồn mưa trắng xuống sân đầy

*Xuân đến làm chi dậy nổi chờ
Xuân về nếp trán lạnh hồn thơ
Mấy ai nghe nhớ hôm nào ấy
Người đi đi mãi có bao giờ...?*

Gió lộng từ xa ngàn mơ ước
Đời quen mưa nắng thưở quê nhà
Xứ người tưởng sống nhờ, ở đậu
Thế mà đã mấy chục xuân qua.